

Số: 377/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang
giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021- 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 18/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Chương trình số 09-CTr/TU ngày 26/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII;

Căn cứ Kế hoạch số 127-KH/TU ngày 01/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 45/TTr-SLĐTBXH ngày 25/4/2022 về việc đề nghị ban hành Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Lao động-TB và XH;
- Bộ KH và ĐT;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Như điều 2; (thực hiện)
- Báo Tuyên Quang, Đài PTTH tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- TP, PTP khối NCTH;
- Lưu: VT, THVX (Ntg).

(báo cáo)



Nguyễn Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo là quan trọng, nhất quán, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư.

Nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của công tác giảm nghèo đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong những năm qua và giai đoạn 2016-2020, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác giảm nghèo đến năm 2020 và các nghị quyết, kết luận về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân; Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều cơ chế, chính sách, kế hoạch phân bổ nguồn lực, chỉ đạo tập trung thực hiện giải pháp giảm nghèo, hỗ trợ nhân dân phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp có nhiều nỗ lực, sáng tạo trong việc phối hợp với các cấp chính quyền để huy động nguồn lực và vận động, tuyên truyền, triển khai, thực hiện các phong trào thi đua, xây dựng các mô hình cụ thể góp phần giảm nghèo gắn với xây dựng nông thôn mới, vận động xây dựng Quỹ "Vì người nghèo". Các cấp, các ngành trong tỉnh đã xây dựng kế hoạch cụ thể, tích cực triển khai các chương trình, dự án, cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn, đồng thời tăng cường tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người nghèo và cộng đồng trong công tác giảm nghèo; khơi dậy ý chí tự lực, sự nỗ lực của người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng. Kết quả trong giai đoạn 2016-2021 tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm bình quân hằng năm trên 3,54%, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh còn có những mặt tồn tại, hạn chế, đó là: Chất lượng giảm nghèo chưa thật sự bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo còn cao; kinh tế ở một số xã

vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc còn chậm phát triển, tập quán canh tác, sản xuất còn lạc hậu, năng suất lao động thấp, thu nhập thấp, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên có một phần do nguyên nhân khách quan (*điều kiện tự nhiên của tỉnh, đặc biệt là các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn chưa thuận lợi; địa hình chia cắt; đất sản xuất cho người dân chưa đáp ứng yêu cầu; thiên tai dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chưa thật sự phù hợp, đồng bộ...*), song chủ yếu là nguyên nhân chủ quan, đó là: Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác giảm nghèo; cơ chế quản lý, chỉ đạo điều hành, phân công, phân cấp có lúc còn chưa phù hợp. Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có ý thức nỗ lực, cố gắng vươn lên, trình độ sản xuất, thâm canh còn hạn chế, chưa chủ động tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng, vật nuôi, mặc dù thiếu vốn sản xuất nhưng chưa dám mạnh dạn vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi ngành nghề; một số hộ nghèo còn lười lao động, trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của cộng đồng.

Việc xây dựng Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 nhằm tiếp tục phát huy những thành quả của Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 20/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI) về tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 của tỉnh; tiếp tục thực hiện những mục tiêu, chỉ tiêu về giảm nghèo, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm gắn với nâng cao thu nhập cho người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo trong giai đoạn mới, với những giải pháp căn cơ hơn, tập trung vào một số đối tượng cụ thể, theo nguyên nhân dẫn đến nghèo, nhằm tăng cơ hội tiếp cận chính sách, các dịch vụ xã hội cơ bản và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống, đặc biệt là cải thiện điều kiện sản xuất, sinh hoạt của người dân tại các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn. Đồng thời, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; cụ thể hóa và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII. Do đó, việc xây dựng Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết và phù hợp với chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Chủ trương của Đảng

- Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/1/2019 của Bộ Chính trị về tiết tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

- Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 18/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025;

- Chương trình số 09-CTr/TU ngày 26/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII;

- Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 20/01/2021 của Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Kế hoạch số 77-KH/TU ngày 26/6/2021 của Tỉnh ủy thực hiện các công việc thực hiện các Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII;

- Kế hoạch số 127-KH/TU ngày 04/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

2. Văn bản pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

- Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020;

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về việc phê duyệt án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 2426/QĐ-TTg ngày 28/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;

- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ);

- Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021- 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

- Thông báo số 38/TB-VPCP ngày 05/3/2021 của Văn phòng Chính phủ Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 35/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 25/3/2022 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 về việc ban hành Chương trình công tác năm 2022 của Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

- Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 5 năm 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

- Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 phê duyệt Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 01/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 8/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản theo chuỗi liên kết đảm bảo chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình hành động số 06/CTr-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 26/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

- Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 20/09/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chương trình phát triển thị trường lao động đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giáo dục nghề nghiệp - Việc làm tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO

Theo kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 tại thời điểm đầu năm 2022 toàn tỉnh có 50.033 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 23,45% và 16.749 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 7,85%. Số hộ nghèo chủ yếu tập trung tại các huyện, xã vùng sâu, vùng xa, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số; trong đó, các huyện Lâm Bình, Na Hang có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 37,32% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn tỉnh và chiếm tỷ lệ 81,35% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh; toàn tỉnh có 163 hộ nghèo thuộc diện chính sách người có công với cách mạng, chiếm tỷ lệ 0,33% so với tổng số hộ nghèo.

(Có biểu tổng hợp số 01 kèm theo)

II. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NGHÈO

1. Nguyên nhân khách quan

Do vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên chung của tỉnh không thuận lợi (không có cảng biển, cửa khẩu, chưa có đường sắt, đường cao tốc...); địa hình các huyện vùng cao, các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa chia cắt, đất sản xuất cho

người dân chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều hộ nghèo cận nghèo còn thiếu đất sản xuất, thiếu vốn, thiếu phương tiện sản xuất; nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo còn hạn chế; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chưa đồng bộ, còn mang tính ngắn hạn, thiếu sự gắn kết chặt chẽ, chưa có giải pháp tập trung và ưu tiên nguồn lực vào giải quyết các vấn đề sinh kế ổn định cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn; số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn ít, doanh thu nhỏ, chưa thu hút được nhiều lao động vào làm việc để chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương và tiêu thụ sản phẩm do người dân sản xuất ra để nâng cao thu nhập; một số hộ nghèo do trong gia đình có người ốm đau thường xuyên, tàn tật, già cả, có người mắc tệ nạn xã hội. Ngoài ra diễn biến thời tiết, khí hậu phức tạp; tác động suy thoái kinh tế, biến động giá cả; ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 làm giảm cơ hội tìm kiếm việc làm, do đổi mới khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh ảnh hưởng đến việc làm của người dân cũng ảnh hưởng và làm tăng nguy cơ dẫn đến nghèo.

2. Nguyên nhân chủ quan

Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có ý thức nỗ lực, cố gắng vươn lên, trình độ sản xuất, thâm canh còn hạn chế, chưa chủ động tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng, vật nuôi, sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ; mặc dù thiếu vốn sản xuất nhưng chưa mạnh dạn vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi ngành nghề. Một số hộ nghèo còn lười lao động, trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của cộng đồng. Một số cấp uỷ Đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác giảm nghèo, công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát, quyết liệt, việc quy hoạch đất sản xuất và các loại cây trồng, vật nuôi chưa thật sự phù hợp, thích ứng với thị trường tiêu thụ; công tác quản lý nhà nước có mặt còn hạn chế, cơ chế quản lý, chỉ đạo điều hành, phân công phân cấp chưa phù hợp.

(Chi tiết các nhóm nguyên nhân dẫn đến nghèo có biểu tổng hợp số 02 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THIẾU HỤT XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025, với 12 chỉ số để đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gồm: Việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin), thì mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo khá đa dạng, tuy nhiên thiếu hụt nhiều nhất tập trung ở các chỉ số: Việc làm; nhà tiêu hợp vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; người phụ thuộc trong hộ gia đình; chất lượng nhà ở; sử dụng dịch vụ viễn thông...

(Biểu tổng hợp số 03 kèm theo).

Phần thứ ba
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU; NHIỆM VỤ
VÀ GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG

1. Giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện tiên bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, không để ai bị bỏ lại phía sau; thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững là điều kiện để hoàn thành mục tiêu phân đấu đưa tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong khu vực miền núi phía Bắc.

2. Thực hiện giảm nghèo bền vững gắn với tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả, khắc phục những khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh, tính sáng tạo của các địa phương trong quá trình thực hiện. Lấy người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo là trung tâm, là chủ thể trong thực hiện công tác giảm nghèo của tỉnh; cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước và giúp đỡ của cộng đồng xã hội thì tinh thần trách nhiệm, tính chủ động trong học tập, nâng cao trình độ, nâng cao kỹ năng lao động, kiến thức tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống và ý thức tự vươn lên của bản thân các hộ nghèo, hộ cận nghèo là nhân tố quyết định thành công của công tác giảm nghèo.

3. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, gắn với thực hiện các chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, theo phương châm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững nhằm tạo điều kiện cho các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn, thu hẹp khoảng cách phát triển với các vùng khác; xác định đào tạo nghề, hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm, tạo sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có cơ hội phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.

4. Đa dạng hóa nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo, chú trọng tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa, đặc biệt là nguồn lực của từng địa phương, các doanh nghiệp, vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, đối ứng của đối tượng hưởng lợi cùng với hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư tăng cường sự kết nối về hạ tầng, đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo.

5. Tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc phối hợp với các cấp chính quyền triển khai thực hiện công tác giảm nghèo, đặc biệt là trong việc vận động, huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, cận nghèo và các đối tượng yếu thế; tuyên truyền vận động và cổ vũ, động viên, khuyến khích các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực vượt qua khó khăn, khơi dậy ý chí tự lực, tự

cường, tích cực, chủ động phát triển kinh tế, tham gia học nghề, tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập và thoát nghèo bền vững.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Đề án Giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; hộ nghèo dân tộc thiểu số.

b) Người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên người dân sinh sống tại các huyện nghèo, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Các huyện nghèo.

d) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

đ) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Đề án: Đến hết năm 2025.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, trọng tâm là ở các huyện nghèo, địa bàn đặc biệt khó khăn, khu vực nông thôn; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo phát triển kinh tế, tạo việc làm, tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2025

a) Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm bình quân trên 3%/năm, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 4%/năm trở lên. Phấn đấu giảm 1/2 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ.

b) Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4%/ năm trở lên.

(Có biểu tổng hợp số 04, 05, 06 kèm theo)

c) Đến hết năm 2023 không còn người có công với cách mạng thuộc đối tượng là hộ nghèo.

IV. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ trọng tâm

a) Triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn phát triển kinh tế gia đình, nâng cao thu nhập; trọng tâm là thực hiện các dự án, tiểu dự án hỗ trợ tạo sinh kế, phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo, hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gắn kết chặt chẽ với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và đề án, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất, góp phần thay đổi diện mạo hạ tầng, kinh tế - xã hội nông thôn, nhất là các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn và giúp cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao trình độ, kỹ năng lao động, kỹ năng tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống và có điều kiện tham gia các chương trình, dự án phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm để tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững ngay trên mảnh đất và quê hương mình.

b) Thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo theo nguyên nhân dẫn đến nghèo và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo. Trong đó quan tâm thực hiện có hiệu quả các nhóm giải pháp về hỗ trợ đào tạo nghề, việc làm; tín dụng ưu đãi; chuyển giao khoa học kỹ thuật; hỗ trợ hộ nghèo thiếu đất sản xuất; hỗ trợ về nhà ở, về y tế, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí, kiến thức cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c) Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo; chú trọng các biện pháp tuyên truyền, vận động để các hộ nghèo nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân, từ đó chủ động trong tham gia các chương trình hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, chuyển giao khoa học kỹ thuật, các thức tổ chức cuộc sống, nỗ lực vươn lên trong phát triển kinh tế, sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, tranh thủ sự hướng dẫn, giúp đỡ của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng để vươn lên thoát nghèo bền vững, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài. Nghiên cứu có cơ chế hoặc hình thức phù hợp để cổ vũ, động viên, khuyến khích các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực vượt qua khó khăn, vươn lên thoát nghèo.

2. Một số nhiệm vụ cụ thể

2.1. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đề án, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, để phấn đấu hoàn một số nhiệm vụ sau:

a) 100% các huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

b) Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 50 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

c) 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, người dân trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập. Phân đầu giảm số hộ nghèo do nguyên nhân thiếu kiến thức về sản xuất từ 7.647 hộ đầu năm 2022 xuống còn 483 hộ vào cuối năm 2025.

d) Các hộ nghèo, hộ cận nghèo có lao động trong độ tuổi và có khả năng làm việc, có ít nhất một thành viên có việc làm bền vững.

đ) 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. Tạo việc làm tại tỉnh cho trên 16.700 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; đưa trên 7.500 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đi làm việc ở ngoài tỉnh (trong đó ít nhất 2.000 người được hỗ trợ kết nối việc làm thành công qua các tổ chức dịch vụ việc làm); 800 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài thoát nghèo). Góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về việc làm xuống còn dưới 15% vào cuối năm 2025 và giảm số hộ nghèo do nguyên nhân không có kỹ năng lao động sản xuất từ 10.595 hộ đầu năm 2022 xuống còn 269 hộ vào cuối năm 2025.

e) 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh; cùng với thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định sinh kế khác, góp phần giảm hộ nghèo do nguyên nhân thiếu vốn sản xuất từ 19.310 hộ đầu năm 2022 xuống còn 8.571 hộ vào cuối năm 2025 và hộ nghèo do nguyên nhân thiếu phương tiện sản xuất giảm từ 9.992 hộ đầu năm 2022 xuống còn 3.527 hộ vào cuối năm 2025.

g) Tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gắn với quy hoạch sử dụng đất phù hợp, hiệu quả và các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, vay vốn tín dụng ưu đãi để chuyển đổi nghề nghiệp góp phần giảm số hộ nghèo do nguyên nhân thiếu đất sản xuất từ 5.243 hộ đầu năm 2022 xuống còn 3.925 hộ vào cuối năm 2025.

h) 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách,

dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

2.2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và chính sách xã hội và các chính sách khác trên địa bàn tỉnh để góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

a) Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo xuống dưới 16%.

b) Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 98%.

- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn qua đào tạo đạt 40%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 18%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp, góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về trình độ giáo dục của người lớn xuống dưới 15% vào cuối năm 2025.

c) Chiều thiếu hụt về nhà ở: Huy động các nguồn lực của Nhà nước và toàn xã hội để hỗ trợ các hộ nghèo khó khăn về nhà ở có nhu cầu làm mới và sửa chữa; trong đó có ít nhất 5.020 hộ nghèo trên địa bàn tỉnh (có khoảng 2.284 hộ trên địa bàn các huyện nghèo) được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững. Cùng với sự nỗ lực cố gắng của bản thân các hộ nghèo trong việc tự huy động nguồn lực cải thiện nhà ở, góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về chất lượng nhà ở xuống dưới 25% và thiếu hụt về chỉ số diện tích nhà ở xuống dưới 20% vào cuối năm 2025.

d) Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

đ) Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, giải pháp hỗ trợ người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển kinh tế, tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập

1.1. Hỗ trợ tín dụng ưu đãi

- Triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư

Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tín dụng chính sách xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân về tín dụng chính sách xã hội (nhất là đối với khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số) nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của tín dụng chính sách xã hội, tạo sự đồng thuận và thống nhất trong quá trình thực hiện. Công khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín dụng ưu đãi và quy định của Ngân hàng chính sách xã hội về hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi nhằm tạo điều kiện thuận lợi, kịp thời cho các hộ gia đình trong quá trình tìm hiểu thông tin và thực hiện các quy trình, thủ tục vay vốn, trả nợ gốc, nợ lãi tiền vay đúng quy định, quay vòng vốn nhanh và có hiệu quả.

- Tích cực thực hiện các giải pháp huy động, duy trì và điều hành có hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Hằng năm, ưu tiên dành một phần nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội cấp tỉnh, cấp huyện để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; phân đầu nguồn vốn địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội năm sau cao hơn năm trước, tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn địa phương cao hơn tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn trung ương. Thực hiện có hiệu quả các chính sách của trung ương, của tỉnh về cho vay hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định.

- Gắn kết chặt chẽ giữa cho vay tín dụng ưu đãi với hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, nâng cao kỹ năng tay nghề, quản trị vốn vay. Phát huy vai trò của các tổ chức nhận ủy thác, cán bộ khuyến nông trong hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo lập phương án và tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh khi vay vốn; trong đó chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân vay vốn với mức vay tối đa để phát triển sản xuất. Phân đầu giảm hộ nghèo do nguyên nhân thiếu vốn sản xuất từ 19.310 hộ đầu năm 2022 xuống còn 8.571 hộ vào cuối năm 2025 và hộ nghèo do nguyên nhân thiếu phương tiện sản xuất giảm từ 9.992 hộ đầu năm 2022 xuống còn 3.527 hộ vào cuối năm 2025.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay đảm bảo việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả.

1.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất sản xuất, ổn định sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo và chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức về tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống cho người nghèo

- Huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án 2, Tiểu Dự án 1 thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, vùng dân tộc thiểu số thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chính sách, đề án, chương trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với cơ cấu lại ngành

nông nghiệp theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa theo Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI), Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 và Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, nhằm đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo và hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo, người dân ở huyện nghèo và vùng đặc biệt khó khăn. Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập, gắn với quy hoạch sản xuất, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi liên kết đảm bảo chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 8/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, tiếp tục củng cố, đổi mới hoạt động của hệ thống khuyến nông, đặc biệt là khuyến nông cơ sở, có cơ chế phù hợp về tổ chức, đào tạo và sử dụng có hiệu quả đội ngũ khuyến nông các cấp trong việc giúp đỡ, hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập; đặc biệt gắn việc đào tạo chuyển giao khoa học tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với xây dựng phương án vay vốn tín dụng ưu đãi để sản xuất, chăn nuôi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật canh tác và chuyển đổi cơ cấu, mùa vụ đối với cây trồng, vật nuôi, phòng chống dịch bệnh đảm bảo an toàn sản xuất cho nông dân; hướng dẫn người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo quản sản phẩm nông nghiệp, cập nhật các thông tin về thị trường và giá cả các mặt hàng nông sản để có định hướng đầu tư sản xuất, tiếp cận thị trường, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất lao động và thu nhập; phấn đấu giảm số hộ nghèo do nguyên nhân thiếu kiến thức về sản xuất từ 7.647 hộ đầu năm 2022 xuống còn 483 hộ vào cuối năm 2025.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách về khuyến công; khuyến khích và hỗ trợ để thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ở các vùng nông thôn. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó

khăn; thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021-2025 và “phát triển hệ thống kênh phân phối hàng Việt, tập trung vào thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa”. Triển khai các mô hình, phong trào khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, phát triển ngành nghề truyền thống, mô hình sản xuất tiêu, thủ công nghiệp ở nông thôn, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, cơ khí nhỏ ở nông thôn để hộ nghèo, người dân ở huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn có cơ hội tham gia, học tập kinh nghiệm; hỗ trợ cá nhân, cơ sở kinh doanh dịch vụ phân phối hàng hóa, cung ứng đầu vào và đầu ra cho sản phẩm làng nghề nhằm tạo việc làm cho người nghèo, cận nghèo. Tích cực triển khai và ưu tiên nguồn lực triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TU ngày 16/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, nhằm tạo việc làm, tiêu thụ sản phẩm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

1.3. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Huy động và tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với các Dự án hỗ trợ phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình xây dựng nông thôn mới, nhằm phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo để đào tạo nghề cho người dân, ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo; tăng cường đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phần đầu trong giai đoạn 2021-2025 đào tạo nghề cho trên 9.000 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và lao động thuộc huyện nghèo, cùng với các giải pháp hỗ trợ chuyển giao khoa học, kỹ thuật khác góp phần giảm số hộ nghèo do nguyên nhân không có kỹ năng lao động sản xuất từ 10.595 hộ đầu năm 2022 xuống còn 269 hộ vào cuối năm 2025.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Giáo dục nghề nghiệp-Việc làm tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và Đề án “Xây dựng Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao của tỉnh” theo Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Chú trọng thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động; tăng cường đào tạo nghề lao động nông thôn, đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, các chương trình, dự án của tỉnh và thị trường lao động trong nước và nước ngoài; thực hiện các chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn, dân tộc thiểu số và người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Triển khai thực hiện Chương trình phát triển thị trường lao động đến năm 2030, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, kết nối với thị trường toàn quốc. Nâng cao chất lượng tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các phiên giao dịch, sàn giao dịch việc làm, thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề, tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; trong đó quan tâm đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình thiếu đất sản xuất, lao động phải chuyển đổi ngành nghề, lao động thuộc diện di dân tái định cư, nhằm tạo cơ hội cho người lao động có cơ hội tìm việc làm, đi làm việc ở các nhà máy, các khu công nghiệp trong tỉnh, trong nước, nâng cao thu nhập, góp phần hạn chế phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo; triển khai thực hiện có hiệu quả nguồn vốn Quỹ quốc gia về việc làm để cho vay tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với phương án, dự án vay vốn khả thi, sử dụng nhiều lao động và cho vay đối với đối tượng là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, chuyển đổi ngành nghề, lao động là người dân tộc thiểu số. Phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025 tạo việc làm tại tỉnh cho trên 16.700 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; đưa trên 7.500 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc ở ngoài tỉnh; góp phần giảm số hộ nghèo có chỉ số thiếu hụt về việc làm xuống còn dưới 15% vào cuối năm 2025.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, chú trọng lựa chọn, khuyến khích các doanh nghiệp có thị trường xuất khẩu lao động có tiềm năng, cho thu nhập cao tham gia tuyển dụng và đưa lao động của tỉnh đi làm việc tại nước ngoài. Làm tốt công tác tạo nguồn lao động, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đưa đi làm việc ở nước ngoài. Quan tâm bố trí kinh phí, đồng thời tập trung chỉ đạo thực hiện triệt để, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ ban đầu, chính sách hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất ưu đãi cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo các quy định hiện hành. Phấn đấu đưa trên 800 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và lao động thuộc huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.4. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế khu vực nông thôn, đặc biệt là huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn

- Huy động nguồn lực và tổ chức hiện có hiệu quả Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình khác để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo; hỗ trợ các huyện phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường liên kết, kết nối hệ thống giao thông nông thôn với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho người

dân đi lại, sinh hoạt, phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thương hàng hóa và dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình xây dựng nông thôn mới, gắn với thực hiện Đề án Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 và Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh để xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là các công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng điện lưới...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các vùng đặc biệt khó khăn nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh, giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây mới, nâng cấp và quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi, đảm bảo đủ nước tưới cho diện tích trồng lúa, trồng màu và diện tích cây trồng cận chủ lực tại các vùng sản xuất chuyên canh, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- Thực hiện tốt công tác duy tu và bảo dưỡng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh; nghiên cứu xây dựng cơ chế huy động thêm kinh phí duy tu và bảo dưỡng do cộng đồng tự đóng góp và giao cho cộng đồng chịu trách nhiệm duy tu và bảo dưỡng một số công trình có quy mô nhỏ ở khu vực nông thôn, để tăng tính sở hữu, trách nhiệm với bảo vệ và sử dụng công trình.

1.5. Tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho những hộ nghèo thiếu đất sản xuất

- Huy động nguồn lực thực hiện có hiệu quả Dự án hỗ trợ đất sản xuất và quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với thực hiện tốt công tác quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương; đồng thời tăng cường, đẩy mạnh thực hiện đào tạo nghề, tư vấn, hỗ trợ việc làm, cho vay vốn hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tại những nơi không còn quỹ đất để bố trí. Phần đầu giảm số hộ nghèo do nguyên nhân thiếu đất sản xuất từ 5.243 hộ đầu năm 2022 xuống còn 3.925 hộ vào cuối năm 2025.

- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt các biện pháp ổn định đời sống và phát triển sản xuất, đặc biệt là đất sản xuất, nước sản xuất cho các hộ dân tái định cư

thủy điện Tuyên Quang và các hộ dân phải di chuyển, tái định cư phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

2.1. Hỗ trợ về giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng trường chuẩn quốc gia cho các trường ở huyện nghèo, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tạo điều kiện thuận lợi cho con em các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa đến trường; giảm tối đa tỷ lệ trẻ em không được đến trường do hoàn cảnh khó khăn. Phân đầu tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt trên 98%.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; học sinh dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

2.2. Hỗ trợ y tế

- Huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện có hiệu quả Tiểu Dự án 2 thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với với thực hiện các giải pháp phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em trên địa bàn tỉnh, nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Phân đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo xuống dưới 16% vào năm 2025.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở tỉnh Tuyên Quang trong tình hình mới; quan tâm tăng cường đầu tư cho Trạm Y tế xã, phường đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và theo chuẩn nông thôn mới, duy trì 100% Trạm Y tế cấp xã có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ban đầu; tăng cường chuyển giao kỹ thuật từ bệnh viện tuyến tỉnh về tuyến huyện và hỗ trợ chuyên môn từ tuyến huyện về Trạm Y tế xã, cùng với củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực cán bộ y tế cấp xã, thôn bản, để người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế thuận lợi, có chất lượng ngay tại nơi cư trú.

- Tích cực thực hiện việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, trong đó chú trọng tuyên truyền về lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình. Gắn nhiệm vụ vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế vào nhiệm vụ trọng tâm của các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp xã, thôn bản. Phân đầu đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ bổ sung mức đóng bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo. Phân đầu 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tham gia bảo hiểm y tế.

- Quan tâm nâng cao chất lượng công tác y tế dự phòng; kịp thời, chủ động ngăn chặn có hiệu quả, triệt để các loại dịch bệnh ở người, đặc biệt là đại dịch COVID-19. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ y tế, khám chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định. Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ người mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh.

2.3. Hỗ trợ về nhà ở

- Huy động nguồn lực thực hiện có hiệu quả Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, Dự án hỗ trợ về nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với huy động nguồn lực thực hiện Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-MTTQ-BTT ngày 02/12/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong việc huy động các nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo đang ở nhà tạm, dột nát được hỗ trợ làm mới và sửa chữa nhà ở. Phấn đấu đến hết năm 2025 có ít nhất 5.020 hộ nghèo trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ nhà ở, trong đó hỗ trợ làm mới và sửa chữa từ các nguồn lực huy động tại Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 là: 3.820 hộ nghèo (*gồm: 1.428 hộ nghèo được hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*); hỗ trợ làm mới cho 1.200 hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách huy động và sử dụng các nguồn lực, kinh phí từ các nguồn hợp pháp để tập trung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ hỗ trợ xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo quy định của Chính phủ.

- Triển khai hỗ trợ kịp thời các hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn. Chú trọng thực hiện hỗ trợ di dời nhà ở của người dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, khu vực rừng phòng hộ.

2.4. Hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường

- Thực hiện có hiệu quả Dự án hỗ trợ nước sinh hoạt thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời tăng cường huy động nguồn lực thực hiện các dự án, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ về nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và người nghèo ở vùng khó khăn.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới trên địa bàn tỉnh. Quan tâm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư xây dựng.

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ nguồn nước, khai thác sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

- Tích cực truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh môi trường, đặc biệt là vệ sinh môi trường nông thôn, tổ chức các phong trào vệ sinh môi trường gắn với cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*; hỗ trợ và vận động nhân dân xây dựng 03 công trình vệ sinh ở nông thôn (*nhà tắm, nhà tiêu, xử lý chất thải chăn nuôi*), gắn với thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới về môi trường.

2.5. Hỗ trợ giảm nghèo về thông tin

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Tiểu Dự án 1, thuộc Dự án 6 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm xây dựng và củng cố hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở bao gồm hỗ trợ thông tin, đội ngũ cán bộ thông tin cơ sở và nội dung thông tin tuyên truyền nhằm đảm bảo thông tin về các chính sách của Đảng và Nhà nước, thông tin phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật được đưa đến phục vụ người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ thông tin, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, tạo sự đồng thuận trong dư luận xã hội, giảm tỷ lệ mất cân đối về nhu cầu hưởng thụ thông tin giữa khu vực thành thị và vùng nông thôn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của người dân; bảo đảm dân chủ ở cơ sở; tích cực vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí; ngăn chặn, đẩy lùi những thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, đặc biệt ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện, thành phố, các điểm Buu điện văn hóa xã, hạ tầng về viễn thông ở vùng nông thôn. Đồng thời thực hiện có hiệu quả Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 theo Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận thông tin qua hệ thống internet, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng điện thoại, được tiếp cận thông tin và xem truyền hình thường xuyên.

2.6. Trợ giúp pháp lý

- Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận được với các chính sách trợ giúp pháp lý có hiệu quả.

- Khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho người dân, từ đó có những hành vi ứng xử đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong cuộc sống, sản xuất, kinh doanh do thiếu hiểu biết về pháp luật, đồng thời giúp người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận các dịch vụ pháp lý và được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước pháp luật.

2.7. Các chính sách trợ giúp khác

- Duy trì thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, gắn với thực hiện giảm nghèo bền vững, trong đó quan tâm đến các dân tộc ít người, trình độ dân trí còn hạn chế; công tác định canh, định cư, bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, ổn định dân di cư tự do, dân cư trú trong các khu rừng đặc dụng.

- Thường xuyên rà soát, nắm chắc tình hình đời sống nhân dân, đặc biệt là các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn bố trí đủ nguồn lực hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiếu đói lương thực, những hộ gặp tai nạn, rủi ro, thiên tai. Trợ giúp kịp thời cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Chủ động thực hiện phương án đối phó, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường trên diện rộng trong địa bàn toàn tỉnh, nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, giúp người dân kịp thời khắc phục thiệt hại, ổn định sản xuất, đời sống khi có thiên tai xảy ra.

3. Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong thực hiện công tác giảm nghèo

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các nhà tài trợ để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao mức sống nhân dân, đặc biệt là các lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, giáo dục, môi trường, du lịch. Ưu tiên các khoản viện trợ, hợp tác lâu dài về phát triển kinh tế, chuyển giao khoa học công nghệ cho người nghèo và nhân dân vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án sử dụng nguồn vốn nước ngoài (*vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức...*) trên địa bàn tỉnh; đảm bảo phát huy tối đa nguồn lực hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, nhà tài trợ nước ngoài góp phần cải thiện điều kiện sống, sinh kế của người dân, hỗ trợ giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, viện trợ phi chính phủ, viện trợ không hoàn lại và các nguồn lực khác để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm tạo việc làm cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững.

4. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, doanh nghiệp, cộng đồng trong thực hiện công tác giảm nghèo

- Tích cực phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng trong việc triển khai thực hiện tuyên truyền Chương trình giảm nghèo đến hội viên, đoàn viên và Nhân dân, vận động sự tham gia của cộng đồng xã hội chung tay thực hiện, hỗ trợ người dân thoát nghèo bền vững, gắn với phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"* và cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*. Đặc biệt phát huy vai trò tương thân tương ái trong cộng đồng doanh nghiệp, của các cơ quan, đơn vị, gia đình, dòng họ trong việc huy động nguồn lực tham gia hỗ trợ giảm nghèo, giúp hộ nghèo thoát nghèo bằng cách nhận lao động nghèo vào làm việc tại các doanh nghiệp theo khả năng trình độ của người nghèo; hỗ trợ về cây con giống, khoa học kỹ thuật cho hộ nghèo trong sản xuất, chăn nuôi; hỗ trợ ngày công lao động cho những hộ gia đình neo đơn, thiếu lao động; hỗ trợ hộ nghèo xóa nhà ở tạm, nhà ở bị dột nát.

- Phối hợp vận động dòng họ, gia đình, đặc biệt là người cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng trong việc thực hiện giám sát, hướng dẫn hộ nghèo trong quản lý chi tiêu trong gia đình và hướng dẫn cách thức tổ chức cuộc sống, tổ chức sản xuất, vệ sinh môi trường; làm cho người nghèo nhận thức được trách nhiệm giảm nghèo là việc của bản thân người nghèo, hộ nghèo, phải tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa đối với bản thân, gia đình để vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan gây lãng phí; tuyên truyền, vận động nhân dân đấu tranh với các loại tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn nghiện ma túy và đánh bạc, cho vay nặng lãi trái pháp luật.

- Phối hợp với các cấp chính quyền nghiên cứu, tổ chức các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng, khuyến khích, cổ vũ, động viên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình làm tốt công tác giảm nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện Đề án tại địa phương.

5. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực giảm nghèo

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án 7 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn

chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững. Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý công tác giảm nghèo; thực hiện giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Quán triệt, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo ở tất cả các cấp, các ngành; việc xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo phải cụ thể theo nguyên nhân dẫn đến nghèo, gắn với thực hiện các nhiệm vụ của Đề án và phù hợp với địa phương, ngành, đơn vị.

- Thường xuyên rà soát các hộ có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo hằng năm để xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công cho các cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên hỗ trợ, theo dõi, giúp đỡ các hộ phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững, gắn với thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/BDVTU ngày 10/9/2021 của Ban Dân vận Tỉnh ủy về việc vận động đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tham gia các hoạt động với nhân dân tại cơ sở.

- Thực hiện việc lập kế hoạch, giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cho các cấp đảm bảo phù hợp với thực trạng, điều kiện của từng địa phương và có sự thống nhất của các cấp (xã /huyện /tỉnh), không thực hiện việc giao chỉ tiêu áp đặt, chạy theo thành tích.

- Tăng cường đổi mới cơ chế thực hiện các chính sách giảm nghèo, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả trong xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá; đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức chủ trì, quản lý các chương trình, chính sách giảm nghèo với các cơ quan liên quan khác để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước đối với công tác giảm nghèo; đảm bảo các chương trình, chính sách giảm nghèo được thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Thực hiện rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm đảm bảo tính kịp thời, chính xác, công bằng trong xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá, cơ sở dữ liệu đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý công tác giảm nghèo; đảm bảo các cơ quan, tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện các chính sách, nội dung của công tác giảm nghèo thực hiện đầy đủ yêu cầu giám sát và đánh giá. Thực hiện chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện các chính sách, giải pháp giảm nghèo để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát việc thực hiện. Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi tiêu cực, để xảy ra thất thoát lãng phí trong quản lý và thực hiện các chính sách giảm nghèo.

- Định kỳ tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án, thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng trong thực hiện các chính sách, công tác giảm nghèo.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, phát huy tính chủ động, tham gia tích cực của Nhân dân về thực hiện giảm nghèo bền vững

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Tiểu Dự án 2, thuộc Dự án 6 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo và những nội dung của Đề án đến các cấp, các ngành và Nhân dân, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và tổ chức thực hiện có hiệu quả của các cấp, các ngành, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo.

- Nội dung tuyên truyền cần làm rõ trách nhiệm của bản thân người nghèo trong việc phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo, phải làm cho người nghèo nhận thức rõ chính sách của Nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng chỉ là hỗ trợ, sự nỗ lực, tự vươn lên của bản thân là chính; hộ nghèo, hộ cận nghèo vừa là chủ thể, vừa là đối tượng được hưởng lợi từ các chính sách giảm nghèo, do đó cần sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, chủ động tìm biện pháp tăng thu nhập, thoát nghèo cùng với sự hỗ trợ, hướng dẫn của chính quyền, đoàn thể và cộng đồng.

- Nghiên cứu đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, quyết tâm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, xây dựng tỉnh Tuyên Quang phát triển khá, toàn diện, bền vững trong các tỉnh miền núi phía Bắc.

7. Huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện Đề án

- Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước, trong đó chủ yếu từ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch trung hạn, hằng năm được cấp có

thẩm quyền phê duyệt và kinh phí thực hiện các chính sách giảm nghèo chung, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản được lồng ghép, bố trí, huy động từ nguồn ngân sách nhà nước theo các cơ chế, chính sách hiện hành, từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, nguồn vốn tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Tăng cường các giải pháp và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực thực hiện Đề án, trong đó ngân sách nhà nước có vai trò quan trọng, dẫn dắt, tạo động lực. Tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn tín dụng ưu đãi; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Việc xây dựng kế hoạch, bố trí và sử dụng nguồn lực cho công tác giảm nghèo, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn phải được thực hiện công khai, minh bạch và có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, có sự tham gia của người dân. Ưu tiên nguồn lực cho những vùng, những đối tượng khó khăn nhất, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng.

VI. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Dự kiến kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: 1.301.761 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương: Khoảng 1.095.885 triệu đồng, chia ra:

+ Ngân sách Trung ương: 1.064.490 triệu đồng (*Vốn đầu tư phát triển: 503.457 triệu đồng; vốn sự nghiệp 561.033 triệu đồng*).

+ Ngân sách Địa phương: 31.871 triệu đồng (*Vốn đầu tư phát triển: 15.040 triệu đồng; vốn sự nghiệp 16.831 triệu đồng*).

- Vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân, nhân dân đóng góp: 205.400 triệu đồng.

(*Biểu tổng hợp số 07; 7a, 7b, 7c, 7d, 7e kèm theo*)

2. Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021- 2025: 167.025 triệu đồng.

3. Vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: 955.079 triệu đồng.

4. Kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: Chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chương trình xây dựng nông thôn mới.

5. Huy động từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ tư **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

I. TỔ CHỨC BỘ MÁY CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Đề án được chỉ đạo, quản lý, điều phối, triển khai thực hiện thông qua Ban Chỉ đạo Các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đề án.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai một số nội dung cụ thể của Đề án. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện Đề án, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, đánh giá hằng năm, giữa kỳ và tổng kết, đánh giá khi kết thúc Đề án.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và quản lý, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Trực tiếp triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án được giao cho ngành và hướng dẫn triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc với các bộ, ban, ngành trung ương có liên quan để huy động nguồn lực thực hiện Đề án. Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng thoát nghèo.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo và ban hành kế hoạch thực hiện Đề án giai đoạn và hằng năm.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện các giải pháp huy động nguồn lực hỗ trợ xóa hộ nghèo thuộc diện chính sách người có công với cách mạng và xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo.

- Nghiên cứu tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện các dự án, chính sách, các hoạt động giảm nghèo trên địa bàn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thẩm định, tổng hợp kế hoạch phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Đề án vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo quy định.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp bảo đảm thực hiện Đề án căn cứ vào mức phân bổ hỗ trợ từ ngân sách trung ương và khả năng cân đối ngân sách địa phương; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện Đề án theo quy định; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cân đối, bố trí vốn đầu tư thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì chỉ đạo triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, thu nhập, đảm bảo an ninh lương thực cho người dân, trong đó có người nghèo, cận nghèo; hỗ trợ hộ nghèo áp dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, phát triển hạ tầng sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh. Triển khai các giải pháp hỗ trợ nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với hỗ trợ giảm số hộ nghèo thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh, tăng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

5. Sở Công thương: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với giảm nghèo, đẩy mạnh hỗ trợ tiêu thụ nông sản, hàng hóa của nhân dân, nhất là của người nghèo, cận nghèo để giúp phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện các mục tiêu của Đề án. Thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021-2025 và phát triển hệ thống kênh phân phối hàng Việt, tập trung vào thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa”.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; học sinh, sinh viên ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 25/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 03/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện nhiệm vụ và giải pháp, cơ chế, chính sách đẩy mạnh phân luồng đào tạo nghề, tham gia thị trường lao động cho học sinh sau trung học cơ sở, nhất là học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

7. Sở Y tế

a) Chủ trì triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện các giải pháp và chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo về y tế; giải pháp bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế, nhất là y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân; phòng, chống kịp thời, có hiệu quả dịch bệnh ở người, đặc biệt là đại dịch COVID-19, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Triển khai các giải pháp vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với tăng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

c) Tham mưu triển khai thực hiện Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo; nghiên cứu tham mưu chính sách hỗ trợ người bị mắc bệnh hiểm nghèo và chính sách hỗ trợ người thuộc hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế.

8. Sở Xây dựng

a) Triển khai thực hiện Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện các giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở, gắn với Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b) Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về giảm nghèo.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng gắn với giảm nghèo bền vững; các giải pháp nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với bản sắc và truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc, gắn với tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước về giảm nghèo. Triển khai thực hiện phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*", gắn với giảm nghèo bền vững.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện các giải pháp hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; triển khai thực hiện chương trình vệ sinh môi trường nông thôn; các giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo môi trường bền vững cho nhân dân sản xuất, góp phần giảm nghèo.

12. Sở Giao thông Vận tải: Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ phát triển hạ tầng giao thông nông thôn, đặc biệt là Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025, gắn với giảm nghèo; ưu tiên triển khai thực hiện trước ở những địa bàn nghèo, đặc biệt khó khăn.

13. Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện các chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

14. Sở Ngoại vụ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan đơn vị trong tỉnh trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài vào tỉnh theo Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025 góp phần hỗ trợ giảm nghèo, phục vụ phát triển kinh tế xã hội; xử lý các vấn đề phát sinh trong công tác bảo hộ công dân đối với người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

15. Ban Dân tộc tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ, chính sách về công tác dân tộc, triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 gắn với giảm nghèo bền vững.

16. Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Tuyên Quang: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách theo quy định.

17. Bảo hiểm xã hội tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác.

18. Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Tăng cường thực hiện các hoạt động thông tin, thời lượng phát sóng, mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chính sách, chương trình giảm nghèo, về các gương hộ nghèo làm kinh tế giỏi vươn lên thoát nghèo, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và giảm nghèo, phong trào "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau".

19. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Tuyên Quang: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trong tỉnh trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài, phát huy kênh đối ngoại nhân dân trong thu hút nguồn lực đầu tư từ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và người Tuyên Quang ở nước ngoài nói riêng cho công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

20. Các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi, lĩnh vực được giao phụ trách và nhiệm vụ giao tại Đề án này có trách nhiệm triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Đề án gắn với thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án được giao chủ trì thực hiện đảm bảo hiệu quả, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án này phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án. Hằng năm thực hiện việc giao chỉ tiêu và chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch giảm hộ nghèo theo nguyên nhân chính dẫn đến nghèo.

b) Lồng ghép, tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các nội dung Đề án với các chương trình, đề án, dự án và kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, báo cáo định kỳ, hằng năm việc thực hiện Đề án trên địa bàn theo quy định.

c) Căn cứ tình hình, điều kiện của địa phương, tổ chức huy động, vận động các nguồn lực và ban hành các chính sách đặc thù của địa phương để hỗ trợ giảm nghèo.

d) Tổ chức giám sát, theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Đề án trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

22. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

a) Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Phong trào *"Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau"*; phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần *"tương thân, tương ái"* trong cộng đồng, dòng họ cùng giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn, tích cực giảm nghèo bền vững. Vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, gây lãng phí, gắn với thực hiện Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*. Xây dựng kế hoạch phát động, vận động ủng hộ và triển khai sử dụng có hiệu quả, thiết thực Quỹ *"Vì người nghèo"* hàng năm. Triển khai thực hiện Đề án xóa nhà ở tạm, dột nát cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 gắn với Đề án giảm nghèo bền vững của tỉnh giai đoạn 2021-2025, để góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Phối hợp với các cấp chính quyền nghiên cứu, tổ chức các hình thức biểu dương, khen thưởng, khuyến khích, cổ vũ, động viên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình làm tốt công tác giảm nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững.

b) Tổ chức phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến công tác giảm nghèo của tỉnh. Giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và các chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ, công khai từ cơ sở, khu dân cư./.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao trong Đề án, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả./.
